

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2016

## KẾ HOẠCH

### Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam năm 2016 và giai đoạn 2016-2020

#### I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình quốc gia về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 - 2015;

Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông;

Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015;

Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 16/9/2013 của Ban Bí thư Trung ương về tăng cường công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng;

Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Quyết định số 26-QĐ/TW ngày 01/10/2014 của Ban chấp hành Trung ương về việc ban hành chương trình ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2015 – 2020;

Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác đảm bảo an ninh và an toàn thông tin mạng trong tình hình mới;

Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

Quyết định số 2407/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025;

Nghị quyết số 26/NĐ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ

Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế tiếp tục giao nhiệm vụ xây dựng, tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch bảo đảm an toàn thông tin quốc gia;

Quyết định số 55/2008/QĐ/BNN-TCCB ngày 24/04/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;

Quyết định số 2257/QĐ-BNN-KHCN ngày 03/10/2014 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn về việc phê duyệt chiến lược phát triển Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam giai đoạn 2013-2020 và định hướng đến 2030 trong đó yêu cầu xây dựng kế hoạch công nghệ thông tin và truyền thông của Viện;

## **II. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT VÀ HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG CỦA VIỆN KHTL VN**

### **1. Về công nghệ thông tin**

#### **1.2 *Hạ tầng kỹ thuật (Chi tiết Phụ lục 1)***

- Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật CNTT trong các đơn vị thuộc Viện hiện nay cơ bản đáp ứng yêu cầu tin học hóa. Cụ thể như sau:

- *Hạ tầng máy tính*: Đạt 100% các đơn vị đã trang bị máy tính, với 100% cán bộ có máy tính sử dụng trong công việc; cán bộ viên chức và người lao động phải sử dụng máy tính trong công việc đều được trang bị máy tính. Tuy nhiên, số máy tính đã được trang bị có cấu hình thấp còn nhiều;

- *Hạ tầng mạng LAN*: Đạt 100% tại các đơn vị và khối văn phòng Viện, đáp ứng được nhu cầu trao đổi dữ liệu trong nội bộ cơ quan;

- *Hạ tầng kết nối Internet*: Đạt 100% các đơn vị đều đã kết nối Internet;

- *Hạ tầng mạng điện rộng (WAN)*: Hiện chưa thiết lập được mạng truyền số liệu chuyên dùng, đảm bảo cho các đơn vị khai thác các ứng dụng và dịch vụ dùng chung của Viện;

- *Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến*: Đã được triển khai tại 3 điểm cầu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Viện, nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí.

#### **2.1.2 Các phần mềm ứng dụng (Chi tiết Phụ lục 2)**

Ứng dụng CNTT trong các đơn vị thuộc Viện đã được trang bị khá đầy đủ:

- *Hệ thống thư điện tử*: Viện đã triển khai hệ thống thư điện tử đến Thủ trưởng đơn vị ([vienkhtlvn@vawr.org.vn](mailto:vienkhtlvn@vawr.org.vn)), tuy nhiên đến nay hệ thống đã ngừng không hoạt động do các cá nhân và đơn vị không sử dụng và vẫn dùng hệ thống thư điện tử miễn phí như yahoo hoặc gmail;

- *Hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng*: Hiện nay hệ thống này chưa được xây dựng và triển khai;

- *Ứng dụng tác nghiệp chuyên ngành*: Phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm quản lý kế toán – tài chính, phần mềm quản lý tài sản và các phần mềm chuyên ngành

khác đang được ứng dụng rộng rãi ở các đơn vị thuộc Viện, phát huy hiệu quả cao trong hoạt động quản lý và điều hành;

- *Hệ thống cơ sở dữ liệu*: Hiện nay Viện đang từng bước xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và lưu trữ nhưng chưa đưa vào khai thác. Phòng TNTĐQG về ĐLHSB có một hệ thống cơ sở dữ liệu dùng riêng được đầu tư theo kinh của Phòng.

## 2.2. Về công tác thông tin truyền thông

- Công tác xuất bản phẩm:

+ Xuất bản 06 số tạp chí/năm để giới thiệu kết quả nghiên cứu của Viện;  
+ Xuất bản tuyển tập kết quả nghiên cứu khoa học của Viện và ký yếu công nghệ 5 năm một lần.

- Trang thông tin điện tử (Website):

+ Website của Viện: Giới thiệu kết quả nghiên cứu, các thông tin liên quan đến hoạt động trong và ngoài Viện;

+ Website của đơn vị: Giới thiệu kết quả nghiên cứu, các thông tin liên quan đến hoạt động trong và ngoài đơn vị và của Viện.

- Hoạt động triển lãm:

+ Tham gia triển lãm Techmart của Bộ Khoa học Công nghệ 2 năm/lần;  
+ Tham gia các chương trình kết nối cung cầu theo các chuyên đề do Cục ứng dụng và Phát triển công nghệ - Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức;  
+ Tham gia các triển lãm khác theo yêu cầu thực tế của Bộ/ngành (Không thường xuyên).

- Tổ chức hội thảo:

+ Hội thảo đề tài: Đây là hội thảo chuyên sâu theo hướng nghiên cứu của các đề tài. Hội thảo được tổ chức theo kế hoạch triển khai của từng đề tài;  
+ Hội thảo quốc tế: 1 đến 2 hội thảo/năm;  
+ Hội thảo trong nước: 1 hội thảo/năm giới thiệu các kết quả nghiên cứu và khả năng ứng dụng vào thực tiễn.

- Xây dựng các chương trình quảng bá trên các kênh thông tin: Từ các kết quả nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào thực tiễn, Ban Kế hoạch Tổng hợp phối hợp với đơn vị xây dựng các phóng sự ngắn giới thiệu về các kết quả nghiên cứu của Viện từ 2008-2015 đã phát sóng trên các kênh VTV1, VTV 2, VTC 14-16, TTXVN, Đài tiếng nói Việt Nam.

## 2.3 Nguồn nhân lực

- Khối văn phòng Viện:

+ Về CNTT: 01 cán bộ kiêm nhiệm toàn bộ các vấn đề về công nghệ thông tin và phối hợp với hoạt động truyền thông;

+ Về truyền thông: 01 cán bộ chuyên trách về xuất bản Tạp chí KHCN Thủy lợi. Mạng lưới cộng tác viên của các đơn vị về thông tin tuyên truyền trước đây đã xây

dụng nhưng đến nay không còn hoạt động động do chưa có quy chế, quy định cụ thể về cơ chế phối hợp và trả thù lao.

- Khối đơn vị:

+ Về công nghệ thông tin: 02 đơn vị có cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin (quản trị mạng và hệ thống công nghệ thông tin của đơn vị - Trung tâm Công nghệ phần mềm Thủy lợi và Phòng TNTĐ QG về động lực học sông biển). Các đơn vị còn lại không có cán bộ chuyên trách. Số lượng cán bộ sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên dụng nhiều, tập trung ở một số đơn vị như: Viện KHTLMN, Phòng TNTĐQG, Viện Thủy công, TT Công nghệ PMTL, Viện Bơm & TBTL...;

+ Về truyền thông: Trước đây có xây dựng mạng lưới cộng tác viên tại các đơn vị trực thuộc, tuy nhiên do điều kiện và kinh phí hoạt động không có nên Mạng lưới cộng tác viên của các đơn vị về thông tin tuyên truyền đến nay không còn hoạt động.

## 2.4 Đánh giá chung

- *Về ứng dụng công nghệ thông tin:*

+ Là một đơn vị nghiên cứu khoa học nên việc ứng dụng CNTT trong Viện là rất tốt. Tuy nhiên ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ trong công tác quản lý, điều hành do chưa xác định đây là hướng đột phá nên triển khai chưa sâu rộng đến từng cá nhân/đơn vị trực thuộc;

+ Trang thiết bị hạ tầng ở các đơn vị được đầu tư thông qua các nguồn kinh phí khác nhau đến nay cơ bản đáp ứng về số lượng máy tính/người;

+ Phần mềm chuyên dụng được các đơn vị sử dụng hiệu quả hỗ trợ công tác nghiên cứu và tư vấn kỹ thuật. Phần mềm ứng dụng rất đa dạng, phục vụ tốt cho công tác chuyên môn.

- *Về thông tin tuyên truyền:*

+ Hoạt động thông tin KHCN của Viện trong thời gian qua đã có nhiều khởi sắc. Nhiều kết quả nghiên cứu của Viện đã được quảng bá thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các kênh truyền hình VTV1, VTV2, VTC14, VTC16, TTXVN, truyền hình địa phương như TP.HCM, Hà Nội, Cà Mau, Bạc Liêu v.v, trên 100 bài báo khoa học được đăng tải trên các tạp chí uy tín Quốc tế, hội thảo Quốc tế. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thuỷ lợi của Viện duy trì ổn định phát hành 06 số/năm với trên 100 bài báo khoa học và các tin hoạt động khoa học công nghệ của Viện mỗi năm;

+ Ngoài ra thông tin hoạt động của Viện còn thường xuyên được cập nhật trên website của Viện (<http://vawr.org.vn>) hàng năm số tin, bài đăng tải trên website của Viện trên 200 tin, đã có hơn 17 triệu lượt truy cập vào website của Viện để tìm kiếm các thông tin KHCN. Thông tin tuyên truyền còn được cập nhật thường xuyên trên website của 14 đơn vị trực thuộc Viện. Đến nay đã có nhiều đối tác liên hệ với Viện và các đơn vị trực thuộc thông qua Website.

### *- Những tồn tại chính:*

+ Hạ tầng CNTT được đầu tư từ nhiều nguồn kinh phí khác nhau nên không có sự đồng bộ và chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực tế, hiệu quả đạt được chưa cao, vẫn còn khoảng 30% máy tính đã được trang bị từ lâu, cấu hình yếu và xuống cấp. Nhu cầu sử dụng máy chủ rất lớn, đặc biệt trong điều kiện ứng phó với thiên tai hiện nay. Viện là đơn vị được Bộ giao đầu mối nhiều vấn đề lớn nhưng do nguồn kinh phí tự có hạn chế, nguồn kinh phí cấp từ ngân sách không nhiều nên ảnh hưởng rất lớn đến việc đầu tư nâng cấp hạ tầng thông tin;

+ Về truyền thông: Thiếu trang thiết bị cho tác nghiệp như máy quay, máy tính tốc độ cao v...; Đường truyền internet ở một số đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu sử dụng;

+ Về các phần mềm chuyên dụng: Một số phần mềm ứng dụng hết hạn (trong giai đoạn hội nhập quốc tế như hiện nay thì vấn đề bản quyền ngày càng được quan tâm) nhưng chưa có kinh phí gia hạn, ít đầu tư các phần mềm chuyên dụng mới phục vụ cho công tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Một số phần mềm quản lý chưa được đầu tư như văn phòng điện tử, quản lý hợp đồng kinh tế... Cơ sở dữ liệu chưa được xây dựng và cập nhật đưa vào khai thác;

Về nhân lực: Công tác đào tạo bồi dưỡng về công nghệ thông tin và truyền thông cho cán bộ viên chức trong cơ quan chưa được chú trọng. Hầu hết các đơn vị chưa có cán bộ chuyên trách về CNTT và truyền thông. Số lượng cán bộ có năng lực, trình độ trong ứng dụng các phần mềm còn ít, không đồng đều ở các đơn vị; Thói quen trao đổi, làm việc qua văn phòng điện tử của cán bộ còn hạn chế; Kỹ năng viết bài báo khoa học, tin tức trên website đối với nhiều cán bộ còn yếu. Chủ nhiệm đề tài/dự án và lãnh đạo đơn vị chưa chú trọng phát triển CNTT và công tác thông tin, tuyên truyền kết quả nghiên cứu, tiến bộ kỹ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng, v.v....

## **III. MỤC TIÊU**

Tạo môi trường làm việc điện tử rộng khắp, tin học hóa hầu hết các hoạt động của Viện, phát triển các cơ sở dữ liệu hướng đến hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung.

Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật CNTT đảm bảo hiện đại, đồng bộ đáp ứng các yêu cầu của Bộ/ngành trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao. Đẩy mạnh việc đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu ứng dụng, phát triển CNTT và hoạt động truyền thông.

## **IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN CNTT VÀ TRUYỀN THÔNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 (Phụ lục 3)**

### **1. Phát triển hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông**

Chủ động đầu tư hạ tầng CNTT và truyền thông đối với các đơn vị thuộc Viện từ các nguồn vốn khác nhau. Tập trung vào đầu tư một số cụm máy chủ đủ mạnh để đáp ứng yêu cầu của Bộ/ngành trong giai đoạn hiện nay.

Nâng cấp một số phần mềm chuyên dụng và CSDL đã xây dựng giai đoạn 2010-2015 phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Xây dựng mới một số phần mềm phục vụ công tác quản lý điều hành, phòng chống thiên tai.

Xây dựng và nâng cấp hệ thống thư điện tử trong Viện, đảm bảo mục tiêu tất cả các tổ chức, cá nhân thuộc Viện có hòm thư công vụ.

## 2. Phát triển nguồn nhân lực

Tạo điều kiện tốt nhất về môi trường làm việc, thu nhập để thu hút nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin.

Hàng năm tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực lãnh đạo, kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn về CNTT và truyền thông.

## 3. Hợp tác quốc tế về CNTT

Tăng cường triển khai các hoạt động xúc tiến liên quan đến CNTT trong khuôn khổ nghiên cứu và ứng dụng của Viện.

Lựa chọn đối tác phù hợp để ký kết hợp tác trong đào tạo nguồn nhân lực CNTT tại các cơ sở đào tạo có chất lượng tại nước ngoài.

## 4. Đầu tư cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin

Ưu tiên nguồn vốn sự nghiệp khoa học công nghệ, nguồn vốn từ các chương trình phát triển công nghệ cao, vốn đầu tư từ các dự án đầu tư chiều sâu để thực hiện các nhiệm vụ, dự án phát triển và ứng dụng CNTT.

Ngân sách sự nghiệp cần bố trí hàng năm để thực hiện các nội dung: Cơ chế chính sách hỗ trợ ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin; đào tạo, tập huấn; xuất bản các ấn phẩm và xây dựng các chương trình phát sóng trên các kênh để quảng bá, giới thiệu các công nghệ của Viện.

Nguồn lực từ các đơn vị để: Tiếp tục cải thiện và nâng cao hạ tầng CNTT, mua bổ sung các phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ....

## V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT cho khối văn phòng Viện, các đơn vị thuộc Viện xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT cho đơn vị mình từ nguồn ngân sách tự có để triển khai thực hiện.

Xây dựng kế hoạch kinh phí ứng dụng CNTT và hoạt động truyền thông trong kế hoạch ngân sách hàng năm của Viện trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các nguồn khác từ ngân sách Nhà nước..

Đổi mới chính sách về biên chế, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ CNTT và truyền thông của Viện. Bổ sung tiêu chí xét thi đua hàng năm trong triển khai triển khai ứng dụng CNTT và hoạt động truyền thông của các đơn vị.

Thủ trưởng các đơn vị chủ động theo sát và đẩy mạnh quá trình ứng dụng CNTT và hoạt động truyền thông ở đơn vị mình. Kết hợp triển khai kế hoạch này với các đề án, kế hoạch khác như: Nâng cao hiệu quả hoạt động KHCN, Nâng cao chất lượng nguồn

nhân lực, Kế hoạch hành động của Viện phục vụ tái cơ cấu ngành và các đề án khác để việc ứng dụng CNTT thực sự thúc đẩy và hỗ trợ tăng trưởng phát triển của Viện.

Gắn trách nhiệm của thủ trưởng các đơn vị với việc ứng dụng và phát triển CNTT và hoạt động truyền thông tại đơn vị mình. Lãnh đạo các đơn vị phải đi đầu trong học tập, ứng dụng CNTT khi điều hành, giải quyết công việc; tạo bước chuyển biến trong lề lối làm việc, gắn kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với cải cách hành chính trên cơ sở áp dụng thống nhất hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp.

Áp dụng chữ ký số trong trao đổi văn bản điện tử.

Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức ứng dụng CNTT và truyền thông.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Ban Kế hoạch Tổng hợp

Ban Kế hoạch Tổng hợp là cơ quan chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc tổ chức triển khai thực hiện "Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam năm 2016 và giai đoạn 2016 - 2020".

Hàng năm, xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT và hoạt động truyền thông của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam và các đơn vị trực thuộc. Đề xuất, báo cáo Giám đốc Viện xem xét phê duyệt điều chỉnh các nội dung của Kế hoạch đảm bảo phù hợp với tiến độ và tình hình thực tế thực hiện. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Giám đốc Viện.

Phối hợp với các đơn vị làm chủ đầu tư, tổ chức triển khai, tổng hợp tình hình thực hiện các dự án ứng dụng công nghệ thông tin được giao.

Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả triển khai thực hiện để rút ra kinh nghiệm về ứng dụng CNTT và hoạt động truyền thông.

### 2. Ban Tổ chức Hành chính

Chủ trì, phối hợp với Ban Kế hoạch Tổng hợp và các đơn vị tổng hợp, trình Giám đốc Viện quyết định việc tìm kiếm và bố trí vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương đối với các dự án, nhiệm vụ hàng năm cho ứng dụng CNTT và hoạt động truyền thông của toàn Viện.

Chủ trì, phối hợp với Ban Kế hoạch và các đơn vị đào tạo, triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực CNTT thông tin và truyền thông cho các đơn vị trực thuộc Viện.

Chủ trì xây dựng quy định về thi đua khen thưởng: Đưa kết quả triển khai ứng dụng CNTT và hoạt động truyền thông của các đơn vị là một trong những tiêu chí xét thi đua hàng năm.

### 3. Ban Tài chính, Kế toán

Cân đối bố trí ngân sách hàng năm cho các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT và hoạt động truyền thông của Viện và các đơn vị thuộc Viện.

#### 4. Các đơn vị thuộc Viện

Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các Ban: Kế hoạch Tổng hợp, Tổ chức Hành chính, Tài chính Kế toán trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, đảm bảo tính thống nhất giữa Viện với các đơn vị và với Bộ chủ quản, Bộ chuyên ngành. Trong kế hoạch ngân sách hàng năm của các đơn vị nên bố trí mục chi riêng cho ứng dụng CNTT và hoạt động truyền thông./.

##### *Noi nhận:*

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/c);
- Ban Giám đốc (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc Viện (để triển khai);
- Lưu: VT, KHTH.

**GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Vũ Việt



## PHỤ LỤC 1 HẠ TẦNG THÔNG TIN TRONG TOÀN VIỆN

STT	Đơn vị	Hệ tầng, thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Khối Văn phòng	Máy tính (PC)	34	
		Đường truyền dữ liệu	02 Cáp quang	
		Máy chủ	01	
2	Viện KHTLMN	Máy tính (PC)	175	
		Đường truyền dữ liệu	ADSL	
3	Viện KHTL MT&TN	Máy tính (PC)	55	
		Đường truyền dữ liệu	01 Cáp quang	
4	Viện Nước, TT & MT	Máy tính (PC)	110	
		Đường truyền dữ liệu	01 Cáp quang	
5	Viện Thủy công	Máy tính (PC)	140	
		Đường truyền dữ liệu	01 cáp quang	
6	Phòng TNTĐ QG	Máy tính (PC)	115	Máy chủ được đầu tư qua kênh Phòng TNTĐQG
		Máy chủ	2	
		Đường truyền dữ liệu	03 cáp quang	
8	Viện Thủy điện	Máy tính (PC)	135	
		Đường truyền dữ liệu	01 cáp quang	
9	Viện Bơm & TBTL	Máy tính (PC)	78	
		Đường truyền dữ liệu	01 cáp quang	
10	Viện Sinh thái & BVCT	Máy tính (PC)	65	
		Đường truyền dữ liệu	01 cáp quang	
11	Viện Kinh tế & QLTL	Máy tính (PC)	52	
		Đường truyền dữ liệu	ADSL	
12	Viện Kỹ thuật biển	Máy tính (PC)	60	
		Đường truyền dữ liệu	ADSL	
13	Trung tâm CNPM Thủy lợi	Máy tính (PC)	32	04 máy chủ mới đầu tư. 03 máy chủ đã cũ
		Máy chủ	7	
		Đường truyền dữ liệu	03 cáp quang	
14	Trung tâm ĐT&HTQT	Máy tính (PC)	38	Mới được đầu tư 01 máy chủ
		Máy chủ	1	
		Đường truyền dữ liệu	01 Cáp quang	
15	Trung tâm PIM	Máy tính (PC)	27	
		Đường truyền dữ liệu	01 Cáp quang	
		Đường truyền dữ liệu	ADSL	

**PHỤ LỤC 2: CÁC PHẦN MỀM ĐANG ĐƯỢC SỬ DỤNG TẠI VIỆN**

TT	Tên phần mềm, CSDL	Ghi chú
A	<b>Phần mềm Văn phòng</b>	
1	Bộ phần mềm Microsoft Office	Tất cả các đơn vị
2	Phần mềm qeofitce – Lịch làm việc	Tất cả các đơn vị
3	Phần mềm quản lý hợp đồng kinh tế	Ban KHTH
4	Phần mềm quản lý đề tài, dự án	Ban KHTH và các đơn vị
5	Phần mềm quản lý nhân sự	Ban TCHC và các đơn vị
6	Phần mềm quản lý nghiệp vụ kế toán	Ban TCKT
7	Phần mềm họp trực tuyến	Ban KHTH
8	Website	Các đơn vị trong Viện đều có Website riêng
B	<b>Phần mềm Chuyên dụng</b>	
1	Autocad; Microstation; Mapinfor	Ứng dụng trong đồ họa
2	Bộ phần mềm họ Mike (Đan Mạch)	Thủy lực, bùn cát sông, biển
3	CEDAS (Mỹ)	Động lực, bùn cát biển
4	Hecras (Mỹ)	Thủy lực kênh, sông, thủy năng
5	EPanet	Thủy lực đường ống
6	Geoslope(Canada):	Tính thấm, ứng suất nền, ổn định móng
7	Palaxis (Delft- Hà Lan.)	Tính nền móng, địa kỹ thuật, công trình ngầm
8	SAP (Đức)	Tính kết cấu
9	MATLAB (Mỹ)	Lập trình tính toán, xử lý số liệu
10	TOPO, KSVN	Xử lý số liệu khảo sát địa hình
11	G8, ACITT	Tính dự toán
12	ARCGIS (ESRI)	ARCGIS cung cấp một giải pháp toàn diện từ thu thập, nhập số liệu, chỉnh lý, phân tích và phân phối thông tin với các cấp độ khác.
13	ENVI (EXELIS)	ENVI là một trong những phần mềm hàng đầu trong xử lý và phân tích ảnh vệ tinh địa không gian.
14	Kalinár László( Hunggary)	Phần mềm thiết kế cánh chuyên dụng theo phương pháp xoáy
15	Fluent	Kiểm tra và mô hình hóa dòng chảy trong hệ thống cánh máy bơm
16	UserLex (Viện Bơm & TBTL lập trình)	Phần mềm thiết kế cánh theo phương pháp Lexokhin

**PHỤ LỤC 3\_KẾ HOẠCH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, TRUYỀN THÔNG CỦA VIỆN KHTLVN**

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin				
1.1	<b>Khối Văn phòng Viện</b>				
1	Duy trì hệ thống cáp quang và các gói dữ liệu đang sử dụng (Website, Webmail, qe-office, họp trực tuyến, quản lý đề tài/dự án. Quản lý nhân sự).	Hệ thống cáp quang và duy trì dung lượng thuê bao	Ban KHTH	Ban TCKT	Hàng năm
2	Mua máy scan cho Văn phòng điện tử qe-office	Máy Scan loại nhỏ (máy đứng)	Ban TCHC	Ban TCKT	5/2016
3	Mua máy scan cho Thư viện điện tử	Máy Scan tốc độ cao	Ban KHTH	Ban TCKT	2016
4	Nâng cấp phần mềm Văn phòng điện tử Qe-office	Qe-office.	Ban TCHC	Ban TCKT	10/2016
5	Xây dựng hệ thống thư Viện điện tử	Phần mềm thư viện số	Ban KHTH	Ban TCKT	10/2016-10/2018
6	Nâng cấp Website	Website	Ban KHTH	Ban TCKT	Hàng năm
7	Xây dựng phần mềm QL hợp đồng kinh tế dùng chung trong toàn Viện	Phần mềm	Ban KHTH	Ban TCKT và các đơn vị trong Viện	1/2017
8	Hoàn thiện phần mềm quản lý đề tài/dự án	Phần mềm	Ban KHTH	Các đơn vị trong Viện	2016
1.2	<b>Đối với các đơn vị trong Viện</b>				
1	Xây dựng kế hoạch nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	Kế hoạch	Các đơn vị	Ban KHTH/TCHC	Ghép vào các dự án nâng cao năng lực thông tin của Viện và các dự án khác
2	Rà soát các phần mềm ứng dụng cần bổ sung bản quyền và mua mới	Kế hoạch	Các đơn vị	Ban KHTH	Hàng năm
3	Tổ chức lớp đào tạo sử dụng các phần mềm chuyên dụng cho các đơn vị	Lớp đào tạo	Ban TCHC	Các đơn vị	Theo yêu cầu
II	<b>Thông tin tuyên truyền</b>				
1	Xuất bản tạp chí	Tap chí 6 số/năm	Ban KHTH	Ban TCKT và các đơn vị trong Viện	Hàng năm
2	Tham gia triển lãm	Triển lãm	Ban KHTH	Ban TCKT và các đơn vị trong Viện	Theo kế hoạch của Bộ: KHCN, NN&PTNT

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
3	Tổ chức hội thảo giới thiệu kết quả nghiên cứu, tiến bộ kỹ thuật của Viện	Hội thảo	Ban KHTH	Ban TCKT và các đơn vị trong Viện	Tháng 12 hàng năm
4	Viết bài giới thiệu trên các báo	Bài báo.	Ban KHTH	Ban TCKT và các đơn vị trong Viện	Hàng năm
5	Quảng bá kết quả nghiên cứu qua các kênh truyền hình, truyền thanh	Phóng sự 2-4 phóng sự/năm	Ban KHTH	Thông qua các đề tài/dự án của các đơn vị thực hiện	Hàng năm
6	Phát hành kỷ yếu công nghệ và tuyển tập KHCN	Kỷ yếu, tuyển tập	Ban KHTH	Ban TCKT và các đơn vị trong Viện	5 năm/lần
7	Phát hành sách giới thiệu Viện	Tài liệu giới thiệu Viện - Việt/Anh	Ban KHTH	Ban TCKT và các đơn vị trong Viện	Hàng năm
8	Đào tạo kỹ năng viết tin bài	Chứng chỉ	Ban KHTH	Ban TCKT và các đơn vị trong Viện	2 năm/lần
9	Xây dựng đội ngũ cộng tác viên về thông tin truyền thông	Cán bộ	Ban KHTH	Các đơn vị trong Viện	Hàng năm